

# NUTRITIONAL STATUS OF CHILDREN UNDER 5 YEARS OLD RECEIVING INPATIENT TREATMENT AT THE NATIONAL CHILDREN'S HOSPITAL AND SOME NUTRITIONAL KNOWLEDGE AND PRACTICES OF MOTHERS IN 2023-2024

Nguyen Thi Thu Lieu<sup>1,2\*</sup>, Than Thi Mai Anh<sup>1</sup>, Luu Thi My Thuc<sup>3</sup>, Le Thi Huong<sup>1</sup>, Le Thi Thanh Xuan<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Hanoi Medical University - 1 Ton That Tung, Kim Lien Ward, Dong Da Dist, Hanoi City, Vietnam

<sup>2</sup>National Hospital of Obstetrics and Gynecology - 43 Trang Thi, Hang Bong Ward, Hoan Kiem Dist, Hanoi City, Vietnam

<sup>3</sup>Vietnam National Children's Hospital - 18/879 La Thanh, Lang Thuong Ward, Dong Da Dist, Hanoi City, Vietnam

Received: 14/10/2024

Revised: 03/11/2024; Accepted: 21/02/2025

## ABSTRACT

**Objective:** Describe the nutritional status of children under 5 years old receiving inpatient treatment at the National Children's Hospital in 2023-2024 and some nutritional knowledge and practices of mothers taking care of children.

**Methods:** cross-sectional description of 142 children and mothers taking care of children at the Department of Nutrition, National Children's Hospital from December 2023 to April 2024.

**Results:** 19.7% of malnourished children were stunted, 17.6% of malnourished children were underweight, 11.9% of malnourished children were wasted, 3.5% of children were overweight or obese. According to SGNA: 35.9% of children are malnourished. 37.32% of children are anemic. Regarding knowledge: 66.19% of mothers think that babies should be breastfed within the first hour after birth. In practice, 32.39% of mothers breastfeed within the first hour after birth. 85.21% of mothers support breastfeeding babies exclusively for the first 6 months. 47.18% of mothers exclusively breastfed their children for the first 6 months. The percentage of mothers who have knowledge about giving children correct complementary foods and practice giving them complementary foods at the right time is 96.48% and 83.33%, respectively.

**Conclusion:** The malnutrition rate of children under 5 years old receiving inpatient treatment at the National Children's Hospital is quite high. The percentage of mothers with knowledge about breastfeeding and ABS is high, but the percentage of mothers practicing correctly is still low.

**Keywords:** Nutritional status, children under 5 years old, knowledge, nutritional practices of mothers.

---

\*Corresponding author

**Email:** nguyenthulieu@hmu.edu.vn **Phone:** (+84) 975880211 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66i2.2072**

# TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG CỦA TRẺ DƯỚI 5 TUỔI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ TẠI BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG VÀ MỘT SỐ KIẾN THỨC, THỰC HÀNH DINH DƯỠNG CỦA BÀ MẸ NĂM 2023-2024

Nguyễn Thị Thu Liễu<sup>1,2\*</sup>, Thân Thị Mai Anh<sup>1</sup>, Lưu Thị Mỹ Thục<sup>3</sup>, Lê Thị Hương<sup>1</sup>, Lê Thị Thanh Xuân<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Y Hà Nội - 1 Tôn Thất Tùng, P. Kim Liên, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

<sup>2</sup>Bệnh viện Phụ sản Trung ương - 43 Tràng Thi, P. Hàng Bông, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội, Việt Nam

<sup>3</sup>Bệnh viện Nhi Trung ương - 18/879 La Thành, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 14/10/2024

Chỉnh sửa ngày: 03/11/2024; Ngày duyệt đăng: 21/02/2025

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả tình trạng dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi điều trị nội trú tại Bệnh viện Nhi trung ương năm 2023-2024 và một số kiến thức, thực hành dinh dưỡng của bà mẹ chăm sóc trẻ.

**Phương pháp:** Mô tả cắt ngang trên 142 trẻ và các bà mẹ chăm sóc trẻ tại khoa Dinh dưỡng, Bệnh viện Nhi trung ương từ tháng 12/2023 đến tháng 04/2024.

**Kết quả:** 19,7% trẻ SDD thấp còi, 17,6% trẻ SDD nhẹ cân, 11,9% trẻ SDD gầy còm, 3,5% trẻ thừa cân, béo phì. Theo SGNA: 35,9% trẻ SDD. Tỷ lệ thiếu máu là 37,32%. Về kiến thức: 66,19% bà mẹ cho rằng nên cho trẻ bú trong 1 giờ đầu sau sinh. Về thực hành, 32,39% bà mẹ cho con bú trong 1 giờ đầu sau sinh. 85,21% bà mẹ ủng hộ nên cho trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu. 47,18% bà mẹ đã cho trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu. Tỷ lệ các bà mẹ có kiến thức về cho trẻ ăn bổ sung đúng và thực hành cho trẻ ăn bổ sung đúng thời điểm lần lượt là 96,48% và 83,33%.

**Kết luận:** Tỷ lệ SDD của trẻ dưới 5 tuổi điều trị nội trú tại bệnh viện Nhi Trung ương khá cao. Tỷ lệ bà mẹ có kiến thức về NCBSM và ABS cao nhưng tỷ lệ bà mẹ thực hành đúng còn thấp.

**Từ khóa:** Tình trạng dinh dưỡng, trẻ dưới 5 tuổi, kiến thức, thực hành dinh dưỡng của bà mẹ.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo báo cáo của UNICEF/WHO, năm 2019 có 144 triệu trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi chiếm 21,3% và 47 triệu trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm chiếm 6,9% trẻ dưới 5 tuổi [1]. Một nghiên cứu tại Pháp trên 459 trẻ từ 5 ngày tuổi đến 18 tuổi cho thấy 23,8% trẻ bị SDD thể nhẹ cân lúc nhập viện và thời gian trẻ nằm viện trên 5 ngày sẽ tăng tỷ lệ đó lên 26,4% [2]. Tại Việt Nam, trong những năm qua, tỷ lệ SDD đã có chiều hướng giảm xuống nhưng vẫn còn cao so với thế giới và các nước trong khu vực. Theo nghiên cứu tại Phòng khám dinh dưỡng Bệnh viện Nhi trung ương năm 2021 cho thấy tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi, nhẹ cân và gầy còm lần lượt là 25,6%, 22,7% và 18,4% trên 234 trẻ đến khám [3]. Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi là kiến thức thực hành dinh dưỡng của bà mẹ. Nghiên cứu về kiến thức, thực hành của bà mẹ về chăm sóc trẻ của

Dương Thị Phương cho thấy tỷ lệ trẻ được bú sớm trong vòng 1 giờ đầu khá thấp, chỉ ở mức 36,8%, thấp hơn nhiều so với kiến thức của các bà mẹ trong nghiên cứu là 89,6% [4]. Nguy cơ SDD ở nhóm ăn bổ sung không đúng thời điểm cao hơn 2,08 lần so với nhóm được ăn bổ sung đúng thời điểm [5].

Để tìm hiểu tình trạng dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi và kiến thức, thực hành dinh dưỡng của bà mẹ chăm sóc trẻ, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “*Tình trạng dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi điều trị nội trú tại Bệnh viện Nhi Trung ương và một số kiến thức thực hành dinh dưỡng của bà mẹ năm 2023-2024*”. Mục tiêu của nghiên cứu là mô tả tình trạng dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi điều trị nội trú tại Bệnh viện Nhi trung ương và mô tả một số kiến thức thực hành dinh dưỡng của bà mẹ năm 2023-2024.

\*Tác giả liên hệ

Email: nguyenthulieu@hmu.edu.vn Điện thoại: (+84) 975880211 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66i2.2072>

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng

Trẻ em dưới 5 tuổi điều trị nội trú tại Bệnh viện Nhi Trung ương.

Mẹ của trẻ được chọn vào nghiên cứu.

### 2.2. Phương pháp

#### 2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

#### 2.2.2. Cỡ mẫu và chọn mẫu

Cỡ mẫu: được tính theo công thức cỡ mẫu cho việc ước tính một tỉ lệ trong quần thể

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{(\epsilon.p)^2}$$

Trong đó:

- n: cỡ mẫu nghiên cứu
- p: tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị SDD thể thấp còi ở nghiên cứu trước là 25.6% [3]
- $\epsilon$ : mức sai lệch tương đối, chọn  $\epsilon = 0.3$
- $\alpha$ : mức ý nghĩa thống kê, lấy  $\alpha = 0.05$ . Khi đó  $Z_{1-\alpha/2} = 1.96$

Thay vào công thức tính được cỡ mẫu của nghiên cứu là  $n = 124$ . Thực tế thu thập được 142 trẻ.

Mẫu nghiên cứu được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện, các trẻ dưới 5 tuổi và người chăm sóc trẻ đến khám trong thời gian nghiên cứu, thỏa mãn tiêu chuẩn lựa chọn được chọn vào nghiên cứu cho đến khi đủ số lượng theo mẫu nghiên cứu.

### 2.3. Nội dung, chỉ số nghiên cứu

- Thông tin chung của trẻ dưới 5 tuổi: Tuổi của trẻ, Giới tính của trẻ.
- Thông tin chung về bà mẹ: Nghề nghiệp, trình độ học vấn.
- Tình trạng dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi: Cân nặng theo tuổi, chiều cao theo tuổi, cân nặng theo chiều cao, chu vi vòng cánh tay, một số chỉ số hóa sinh, bộ công cụ SGNA.
- Kiến thức, thực hành về nuôi con bằng sữa mẹ, ăn bổ sung.

### 2.4. Quy trình tiến hành nghiên cứu

+ Thu thập chỉ số xét nghiệm máu được ghi chép trong

hồ sơ của bệnh nhân.

+ Đo cân nặng, chiều cao: sử dụng cân Tanita với độ sai số 0,1 kg và thước đo chiều cao gắn tường (độ chính xác 0,1cm) theo tiêu chuẩn của Viện Dinh dưỡng.

+ Đo chu vi vòng cánh tay bằng thước dây.

- Tiêu chuẩn đánh giá:

+ WHO đề nghị lấy điểm ngưỡng  $< 2$  độ lệch chuẩn ( $< -2SD$ ) so với quần thể WHO 2005 để đánh giá trẻ bị SDD.

+ Suy dinh dưỡng cấp tính khi: MUAC  $< 12,5$ cm.

+ Khi sử dụng SGNA, trẻ được phân loại theo các mức:

++ Nuôi dưỡng tốt khi trẻ phát triển bình thường, được ăn uống đầy đủ và không có các triệu chứng về đường tiêu hóa;

++ Suy dinh dưỡng ở mức độ vừa, khi người bệnh có dấu hiệu sụt cân hoặc giảm khả năng tiêu thụ thức ăn, khả năng hoạt động chức năng, giảm khối lượng cơ, biểu hiện tình trạng dinh dưỡng bị suy giảm so với mức bình thường trước đó;

++ Suy dinh dưỡng nặng, khi trẻ bị suy dinh dưỡng tiến triển, có biểu hiện sụt cân, giảm khối lượng cơ, mờ và chán ăn.

+ Thiếu máu khi Hb  $< 110$  g/l.

### 2.5. Phương pháp xử lý số liệu

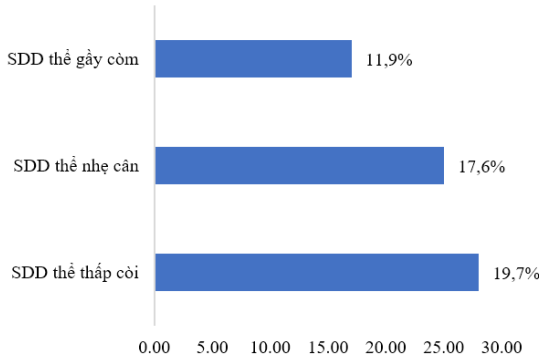
Số liệu sau khi thu thập đã được làm sạch và nhập vào máy tính bằng phần mềm Redcap. Các phân tích sẽ được thực hiện trên phần mềm STATA 16.0.

**2.6. Thời gian và địa điểm nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện tại Khoa Dinh dưỡng của Bệnh viện Nhi Trung ương. Trong đó thời gian thu thập số liệu: Tháng 12/2023 đến tháng 04/2024.

## 3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu chỉ được tiến hành khi đối tượng tham gia nghiên cứu hoàn toàn tự nguyện đồng ý. Mọi thông tin của đối tượng tham gia nghiên cứu được bảo mật. Đối tượng của nghiên cứu này thuộc đề tài cấp Bộ “*Chuẩn hóa một số bộ công cụ sàng lọc, đánh giá dinh dưỡng cho người bệnh tại bệnh viện ở Việt Nam*”. Đề tài này được tiến hành theo Quyết định về việc phê duyệt đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ y tế số 1645/ QĐ-BYT ban hành ngày 24 tháng 06 năm 2022. Đề tài được tiến hành sau khi thông qua Hội đồng Đạo đức Nghiên cứu y sinh học – Trường Đại học Y Hà Nội theo số 801/GCN-HĐĐĐNCYSS-ĐHYHN.

### 3. KẾT QUẢ



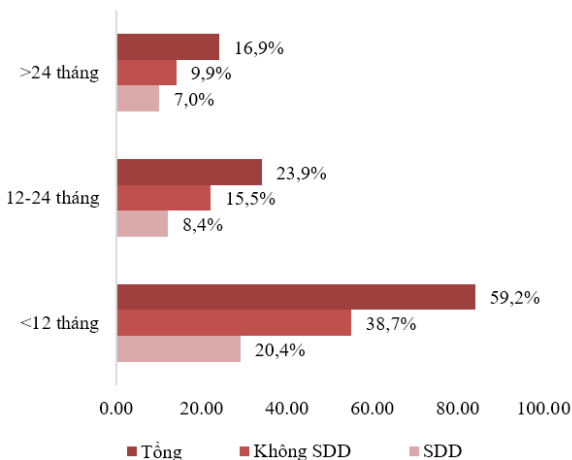
**Biểu đồ 1. Tỷ lệ SDD (Z-score) của trẻ dưới 5 tuổi**

Biểu đồ 1 chỉ ra tỷ lệ SDD (Z – score) của trẻ dưới 5 tuổi. Trong 142 trẻ, có 28 trẻ SDD thể thấp còi chiếm 19,7%, 25 trẻ nhẹ cân chiếm tỷ lệ là 17,6% trẻ SDD thể nhẹ cân và tỷ lệ SDD thể gầy còm là 11,9% (19 trẻ).

**Bảng 1. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi theo MUAC (n=142)**

Tình trạng dinh dưỡng	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
SDD nặng	1	0,70
SDD	13	9,15
Nguy cơ SDD	26	18,31
Bình thường	102	71,83

Bảng trên cho thấy có 1 trẻ bị SDD nặng chiếm 0,70% được phân loại theo MUAC và 13 trẻ bị SDD chiếm 9,15%. Bên cạnh đó có 26 trẻ có nguy cơ SDD chiếm tỷ lệ 18,31% và 102 trẻ khác bình thường với tỷ lệ là 71,83%.



**Biểu đồ 2. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi (SGNA) theo nhóm tuổi (n=142)**

Kết quả biểu đồ cho thấy: với nhóm tuổi dưới 12 tháng, có 84 trẻ tương ứng 20,4% trẻ bị SDD và 38,7% trẻ không SDD. Trong nhóm tuổi 12 – 24 tháng có 23,9% tổng số trẻ tham gia nghiên cứu, trong đó 8,4% trẻ bị SDD, 15,5% trẻ không bị SDD. Những trẻ từ >24 tháng tuổi chiếm 16,9%, trong đó có 7,0% trẻ bị SDD và 9,9% trẻ không bị SDD.

**Bảng 2. Tình trạng thiếu máu của trẻ dưới 5 tuổi (n=142)**

Tình trạng thiếu máu	Tần số	Tỷ lệ (%)
Thiếu máu nặng (Hb < 80 g/L)	4	2,82
Thiếu máu vừa (80 ≤ Hb < 100 g/L)	13	9,15
Thiếu máu nhẹ (100 ≤ Hb < 110 g/L)	36	25,35
Bình thường (≥ 110 g/L)	89	62,68

Kết quả cho thấy trong 142 trẻ tham gia nghiên cứu có 4 trẻ thiếu máu nặng (Hb < 80 g/L) chiếm 2,82%, 13 trẻ thiếu máu vừa (80 ≤ Hb < 100 g/L) chiếm tỷ lệ 9,15%, 36 trẻ thiếu máu nhẹ (100 ≤ Hb < 110 g/L) chiếm 25,35% và 89 trẻ không thiếu máu (≥ 110 g/L) chiếm 62,68%.

**Bảng 3. Kiến thức về lợi ích nuôi con bằng sữa mẹ của bà mẹ (n=142)**

Lợi ích của việc NCBSM	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Sữa mẹ có đầy đủ chất dinh dưỡng và giúp tăng cường hệ miễn dịch của trẻ	138	97,18
Chi phí ít hơn khi nuôi trẻ bằng cách khác	119	83,80
Giúp cho sự gắn bó mẹ con	98	69,01
Bảo vệ sức khỏe bà mẹ	76	53,52
Giúp mẹ chậm có thai lại	68	47,89
Giúp ích cho sự phát triển của trẻ	124	87,32
Không biết	1	0,70

Bảng trên chỉ ra kiến thức về lợi ích NCBSM của bà mẹ. 97,18% số bà mẹ tham gia nghiên cứu cho rằng sữa mẹ có đầy đủ chất dinh dưỡng và giúp tăng cường hệ miễn dịch của trẻ. 83,80% các bà mẹ nhận định chi phí NCBSM ít hơn nuôi trẻ bằng cách khác. 98 bà mẹ nhận định NCBSM giúp ích cho sự gắn bó mẹ con (69,01%) và 76 bà mẹ cho rằng giúp bảo vệ sức khỏe bà mẹ (53,52%). Tỷ lệ bà mẹ nhận định NCBSM giúp mẹ chậm có thai là 47,89% (68 bà mẹ) và 124 bà mẹ nhận định giúp ích cho sự phát triển của trẻ (87,32%). Có 1 bà mẹ không biết lợi ích của NCBSM chiếm tỷ lệ 0,70% bà mẹ tham gia nghiên cứu.

**Bảng 4. Kiến thức và thực hành về nuôi con bằng sữa mẹ và cho trẻ ăn bổ sung của bà mẹ (n=142)**

Các yếu tố	Kiến thức		Thực hành	
	n	%	n	%
<b>Cho trẻ bú sớm trong 1 giờ đầu</b>	<b>n=142</b>		<b>n=142</b>	
Trong 1 giờ đầu	94	66,19	46	32,39
1-3 giờ	37	26,05	15	10,56
Khác	11	7,76	81	57,04
<b>Cách nuôi con trong 6 tháng đầu</b>	<b>n=142</b>		<b>n=142</b>	
Sữa mẹ hoàn toàn	121	85,21	67	47,18
Sữa công thức	3	2,11	8	5,64
Sữa mẹ và sữa công thức	17	11,98	67	41,18
<b>Thời gian cai sữa cho trẻ</b>	<b>n=142</b>		<b>n=46</b>	
Dưới 18 tháng	17	11,97	26	56,52
18-24 tháng	106	74,65	19	41,30
Trên 24 tháng	19	13,38	1	2,18
<b>Thời gian cho trẻ ABS</b>	<b>n=142</b>		<b>n=90</b>	
Dưới 6 tháng	3	2,11	3	7,78
6 tháng	137	96,48	75	83,33
Trên 6 tháng	2	1,41	8	8,89

Kết quả cho thấy 94 bà mẹ có kiến thức về cho con bú mẹ trong 1 giờ đầu (66,19%) nhưng chỉ có 46 và mẹ thực hành đúng (32,39%). Có 26,05% bà mẹ cho rằng nên cho con bú từ 1 – 3 giờ đầu, tuy nhiên chỉ có 10,56% bà mẹ thực hành. Tỷ lệ bà mẹ nghĩ rằng cho con bú ngoài 3 giờ là 7,66% nhưng lại có tới 57,04% bà mẹ cho con bú sau 3 giờ đầu.

Trong 6 tháng đầu, có 121 bà mẹ (85,21%) cho rằng nên cho con bú sữa mẹ hoàn toàn, chỉ có 67 bà mẹ (47,18%) thực hành được. Có 3 bà mẹ (2,11%) nghĩ rằng trẻ có thể sử dụng sữa công thức theo thực hành cho con bú thì có 8 bà mẹ (5,64%) sử dụng sữa công thức. Bên cạnh đó, tỷ lệ bà mẹ nghĩ rằng nên cho con sử dụng cả sữa mẹ và sữa công thức là 11,98%, nhưng có tới 41,18% bà mẹ cho trẻ bú sữa mẹ và uống sữa công thức.

Về thời gian cai sữa cho trẻ, 11,97% bà mẹ tham gia nghiên cứu cho rằng trẻ cần cai sữa dưới 18 tháng nhưng có 56,52% trong tổng 46 bà mẹ đã thực hành cai sữa cho trẻ trước 18 tháng. Có 74,65% trong tổng 142 bà mẹ cho rằng nên cai sữa cho trẻ vào khoảng thời gian từ 18–24 tháng và tỷ lệ bà mẹ thực hành cai sữa cho trẻ ở nhóm tuổi này là 41,30%. Trong 142 bà mẹ tham gia nghiên

cứ thì có 13,38% bà mẹ nhận định cai sữa cho trẻ sau 24 tháng là hợp lý và chỉ có 2,17% trong 46 bà mẹ đã thực hành cai sữa cho con được điều này.

Về thời gian cho trẻ ABS, có 3 bà mẹ (2,11%) trong số 142 bà mẹ tham gia cho rằng nên cho trẻ ABS dưới 6 tháng, tỷ lệ bà mẹ cho trẻ ABS dưới 6 tháng là 7,78% trong 90 bà mẹ đã cho trẻ ABS. Có 137 bà mẹ (96,48%) nhận định cho trẻ ABS vào tháng thứ 6 là hợp lý, trong khi đó có 75 bà mẹ (83,33%) đã thực hành ABS cho trẻ vào tháng tháng thứ 6. Tỷ lệ bà mẹ nghĩ rằng nên cho trẻ ABS khi trẻ trên 6 tháng là 1,41% và tỷ lệ bà mẹ thực hành cho trẻ ABS trong thời gian này là 8,89%.

**Bảng 5. Thực hành nuôi con bằng sữa mẹ trong 1 giờ đầu (n=142)**

Thực phẩm trẻ được dùng trong 1 giờ đầu	Tần số	Tỷ lệ (%)
Sữa mẹ	46	32,39
Sữa công thức	86	60,99
Khác	1	0,70
Không nhớ	9	9,32

Bảng trên cho thấy được thực hành NCBSM của 142 bà mẹ tham gia nghiên cứu trong 1 giờ đầu. Có 46 bà mẹ cho trẻ bú sữa mẹ trong 1 giờ đầu tương đương tỷ lệ là 32,39%. Trong 1 giờ đầu, tỷ lệ bà mẹ cho trẻ uống sữa công thức là 60,99% tức là 86 bà mẹ. Chỉ có 1 bà mẹ cho trẻ uống nước (0,70%) và 9 bà mẹ (9,32%) không nhớ cho trẻ ăn gì.

#### 4. BÀN LUẬN

Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ trẻ SDD thấp còi chiếm tỷ lệ cao nhất là 19,7%, tiếp đến là SDD thể nhẹ cân (17,6%), tỷ lệ trẻ SDD thể gầy còm là thấp nhất (11,9%). Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Yến cũng có tỷ lệ trẻ SDD thấp còi cao nhất (25,6%), trẻ SDD thể nhẹ cân có tỷ lệ 22,7%, SDD thể gầy còm thấp nhất với tỷ lệ 18,4% [6]. Tuy nhiên, kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của chúng tôi là do sự khác biệt về tiêu chuẩn chọn cỡ mẫu. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Minh Trang [7].

Theo chu vi vòng cánh tay, nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng tỷ lệ trẻ SDD là 9,85% và có 0,70% trẻ bị SDD nặng và 9,15% trẻ SDD mức độ vừa thấp hơn nhiều so với tỷ lệ suy dinh dưỡng cấp tính là 26%, tương ứng, 18% và 8% trẻ em bị suy dinh dưỡng ở mức độ vừa và nặng tại Ethiopia [8]. Tình trạng này có thể liên quan đến tình hình kinh tế, an ninh lương thực và chính trị của mỗi quốc gia là khác nhau.

Khi nhìn vào phân bố tình trạng dinh dưỡng (SGNA) theo nhóm tuổi thì ta có thể thấy, nhóm tuổi dưới 6 tháng tuổi có tỷ lệ SDD khi nhập viện nhiều nhất, các

nhóm tuổi sau thấp hơn nhiều và giảm dần khi tỷ lệ SDD theo các nhóm tháng tuổi 6-11 tháng, 12-23 tháng, 24-35 tháng, 36- 59 tháng lần lượt là 7%, 6,3%, 5,6%, 3,5%. Điều này có thể được lý giải do số trẻ dưới 6 tháng tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất nên tỷ lệ SDD ở nhóm tuổi này cũng cao nhất. Tỷ lệ SDD theo SGNA (35,8%) trong nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn đáng kể so với kết quả đánh giá SGNA tại khoa ngoại tổng hợp của bệnh viện Nhi Trung ương (53,3%) [9]. Vì nghiên cứu tại khoa ngoại tổng hợp chọn đối tượng nghiên cứu là những trẻ đã phẫu thuật đường tiêu hóa nên sẽ có tỷ lệ trẻ SDD và nguy cơ SDD cao hơn. Tuy nhiên kết quả nghiên cứu của chúng tôi lại tương đồng với nghiên cứu tại khoa Nhi của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương với tỷ lệ 32,6% [10]. Tỷ lệ thiếu máu của trẻ dưới 5 tuổi của Việt Nam theo Viện Dinh dưỡng Quốc gia điều tra và công bố là 19,6% [11]. Kết quả của chúng tôi cao (37,32%), cao hơn nhiều so với tỷ lệ này. Hầu hết các bà mẹ đều nhận thấy rằng sữa mẹ có đầy đủ chất dinh dưỡng và giúp tăng cường hệ miễn dịch của trẻ (97,18%), giúp ích cho sự phát triển của trẻ (87,32%) và chi phí ít hơn khi nuôi trẻ bằng cách khác (83,80%). Cũng có nhiều bà mẹ cho rằng sữa mẹ giúp cho sự gắn bó mẹ con (69,01%), bảo vệ sức khỏe bà mẹ (53,52%) và giúp mẹ chậm có thai lại (47,89%). Chỉ có 1 bà mẹ không biết lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ. Từ đó, thấy được rằng các bà mẹ đều có kiến thức và hiểu biết về lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ không chỉ giúp cho sức khỏe của bé mà còn giúp bảo vệ sức khỏe bà mẹ bên cạnh tối ưu chi phí nuôi dưỡng cho gia đình. Kết quả này cũng tương tự với nghiên cứu của Hà Minh Hải khi tỷ lệ bà mẹ nghĩ rằng nuôi con bằng sữa mẹ đầy đủ chất dinh dưỡng và giúp tăng cường hệ miễn dịch ở trẻ lên tới 98,4% [12].

Theo khuyến cáo của WHO, UNICEF các bà mẹ nên cho con bú trong vòng một giờ đầu sau sinh và bú càng sớm càng tốt. Về đặc điểm cho trẻ bú sớm, có 66,19% bà mẹ cho rằng nên cho trẻ bú trong 1 giờ đầu sau sinh. Tuy nhiên, chỉ có 32,39% bà mẹ thực hành cho con bú trong 1 giờ đầu sau sinh [13]. Có rất nhiều khả năng hạn chế việc thực hành của bà mẹ có thể kể tới như khi mới sinh thì bà mẹ chưa có sữa cho trẻ bú, mẹ không được gặp con trong 1 giờ đầu,...Theo nghiên cứu tại bệnh viện Phụ sản Hà Nội cũng cho thấy có 73,1% bà mẹ đạt kiến thức về cho trẻ bú sớm, Có 46,9% bà mẹ hiểu đúng về khái niệm bú mẹ hoàn toàn, chỉ có 33,8% bà mẹ thực hành cho trẻ bú sớm trong vòng 1 giờ đầu sau sinh [14].

Bên cạnh đó có 85,21% bà có kiến thức về cho trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, có 11,98% bà mẹ cho rằng nên dùng cả sữa mẹ và sữa công thức, chỉ có 1 bà mẹ cho rằng nên sử dụng sữa công thức trong 6 tháng đầu. Trên thực tế, chỉ có 47,18% bà mẹ cho con bú mẹ hoàn toàn 6 tháng đầu và có tới 41,18% cho con dùng cả sữa công thức và sữa mẹ. Mặc dù các bà mẹ đều có kiến thức khá tốt về cách cho trẻ ăn trong 6 tháng đầu nhưng thực hành chưa tốt. Một số lý do phổ biến khiến bà mẹ không cho con ăn đúng là sữa mẹ ít, mẹ không có thời gian chăm sóc trẻ, mẹ bị ảnh hưởng bởi những

người xung quanh, do bệnh lý của trẻ. Tương tự kết quả này nghiên cứu của của Chu Thị Phương Mai cũng chỉ ra rằng số bà mẹ cho con bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu chỉ chiếm 32,9%.

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và UNICEF khuyến nghị tất cả trẻ em, ở cả các nước phát triển và chưa phát triển, nên được bú sữa mẹ từ 18-24 tháng tuổi. Tuy nhiên trong nghiên cứu của chúng tôi, trong số 46 bà mẹ đã cai sữa cho con thì tỷ lệ bà mẹ cai sữa cho con trước 18 tháng còn cao (56,52%) và 43,48% bà mẹ cai sữa đúng cho con mặc dù tỷ lệ các bà mẹ có kiến thức đúng về cai sữa cho con cũng khá lớn (88,03%). Nhiều bà mẹ dù biết không nên cho con cai sữa quá sớm nhưng vẫn tiến hành cai sữa sớm cho con.

Không giống với những kết quả trên, về thời điểm cho trẻ ăn bổ sung thì tỷ lệ bà mẹ có kiến thức đúng khi cho trẻ ăn bổ sung vào tháng thứ 6 là 96,48% trong 142 bà mẹ tham gia nghiên cứu và bên cạnh đó, tỷ lệ bà mẹ cho trẻ ăn bổ sung đúng cách trên 90 bà mẹ đã cho con ăn bổ sung là 83,33%. Hai kết quả này cho thấy các bà mẹ đã thực hành đúng và có kiến thức đúng là tương đương. Kết quả này của chúng tôi cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Hằng năm 2020 khi tỷ lệ cho trẻ ăn bổ sung đúng của các bà mẹ là 31,2% [15]. Có thể thấy, hiện nay các bà mẹ có xu hướng tìm hiểu kỹ về việc cho trẻ ăn bổ sung và thực hành cho trẻ ăn đúng cách với nhiều phương pháp đa dạng.

Trong 1 giờ đầu, chỉ có 32,39% trẻ được dùng sữa mẹ và có tới 60,99% trẻ phải uống sữa công thức. Nghiên cứu của Hà Minh Hải cũng tương tự khi chỉ ra có 40% trẻ được bú sữa mẹ và 56% trẻ phải uống sữa công thức. Tỷ lệ trẻ được bú sữa non trong 1 giờ đầu còn thấp và nên tạo điều kiện để các bà mẹ có thể cho trẻ bú sớm.

## 5. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu trên 142 đối tượng nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ SDD của trẻ dưới 5 tuổi điều trị nội trú tại bệnh viện Nhi Trung ương khá cao. Tỷ lệ bà mẹ có kiến thức về NCBSM và ABS cao nhưng tỷ lệ bà mẹ thực hành được còn thấp.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Levels and trends in child malnutrition: Key findings of the 2019 edition | UNICEF. Accessed May 22, 2024. <https://www.unicef.org/reports/joint-child-malnutrition-estimates-levels-and-trends-child-malnutrition-2019>
- [2] Hubert A, Ford-Chessel C, Berthiller J, Peretti N, Javouhey E, Valla FV. [Nutritional status in pediatric intermediate care: Assessment at admission, progression during the stay and after discharge]. Arch Pediatr. 2016;23(4):333-339. doi:10.1016/j.arcped.2015.12.014
- [3] Tình trạng dinh dưỡng ở trẻ 6 tháng đến 5 tuổi

- tại phòng khám dinh dưỡng bệnh viện nhi trung ương. <https://tapchihocvietnam.vn/index.php/vmj/article/view/1400/1241>
- [4] Kiến thức, thực hành của bà mẹ về chăm sóc trẻ và tình trạng dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi tại Phòng tiêm chủng và khám dinh dưỡng trường Đại học Y Hà Nội năm 2017. <https://tapchidinhduongthucpham.org.vn/index.php/jfns/article/view/513/617>
- [5] Mối liên quan giữa kiến thức và thực hành dinh dưỡng của bà mẹ với tình trạng dinh dưỡng của trẻ. <https://tapchihocvietnam.vn/index.php/vmj/article/view/4247/3894>
- [6] Souliyakane A, Thị Yến N, Thị Thuý Hồng N, Thị Phương Mai C, Hữu Thành L. Tình trạng dinh dưỡng ở trẻ 6 tháng đến 5 tuổi tại phòng khám dinh dưỡng Bệnh viện Nhi Trung ương. VMJ. 2021;507(2). doi:10.51298/vmj.v507i2.1400
- [7] Thư viện Đại Học Y. <https://thuvien.hmu.edu.vn/pages/cms/FullBookReader.aspx?Url=/pages/cms/TempDir/books/202012130050-2ec0f0b3-edf0-4cec-8f10-f66a17221bd3//FullPreview&TotalPage=92&ext=jpg#page/2/mode/2up>
- [8] Anato A. Severe acute malnutrition and associated factors among children under-five years: A community based-cross sectional study in Ethiopia. Heliyon. 2022;8(10). doi:10.1016/j.heliyon.2022.e10791
- [9] Nguyễn Minh Trang, Phạm Duy Tường. Tình trạng dinh dưỡng và chế độ nuôi dưỡng của bệnh nhi dưới 5 tuổi có phẫu thuật đường tiêu hóa Khoa Ngoại tổng hợp Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2018. Tạp chí Dinh dưỡng & Thực phẩm. 2019;1:15.
- [10] Thực trạng dinh dưỡng bệnh nhân nhi 6-60 tháng tuổi tại Khoa Nhi Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Bình Dương. <https://tapchidinhduongthucpham.org.vn/index.php/jfns/article/view/482/530>
- [11] Gần 20% trẻ dưới 5 tuổi ở nước ta bị thiếu máu dinh dưỡng. Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương. <https://vienhuyethoc.vn/gan-20-tre-duoi-5-tuoi-o-nuoc-ta-bi-thieu-mau-dinh-duong/>
- [12] Thư viện Đại Học Y. <https://thuvien.hmu.edu.vn/pages/cms/FullBookReader.aspx?Url=/pages/cms/TempDir/books/201712201536-dc3a72a1-0c8c-46ef-aea5-289da62fa5c9//FullPreview&TotalPage=84&ext=jpg#page/42/mode/2up>
- [13] Indicators for assessing infant and young child feeding practices: definitions and measurement methods. Accessed May 22, 2024. <https://www.who.int/publications-detail-redirect/9789240018389>
- [14] Kiến thức và thực hành cho trẻ bú sớm sau sinh và bú mẹ hoàn toàn của bà mẹ tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội | Tạp chí Khoa học Điều dưỡng. <https://www.jns.vn/index.php/journal/article/view/331>
- [15] Mối liên quan giữa kiến thức và thực hành dinh dưỡng của bà mẹ với tình trạng dinh dưỡng của trẻ. <https://tapchihocvietnam.vn/index.php/vmj/article/view/4247/3894>